TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA/BM:MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**I. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần:Suy thoái và Bảo vệ đất
* Tên tiếng Anh:Soil Degradation and Protection
* Mã học phần:212340
* Số tín chỉ: 2
* Điều kiện tham gia học tập học phần:

*Môn học tiên quyết:*

*Môn học trước:*

* *Bộ môn*: Bộ môn Tài nguyên và Thông tin Địa lý Ứng dụng
* *Khoa*: Môi trường và Tài nguyên
* Phân bố thời gian: 10tuần
* Học kỳ: .....1.........(năm thứ....3......)

Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cơ bản □ | | Cơ sở ngành □ | | Chuyên ngành □ | |
| Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn 🗹 | Bắt buộc□ | Tự chọn □ |

**Ngôn ngữ giảng dạy**: tiếng Anh □ Tiếng Việt 🗹

* + 1. **Thông tin về giảng viên:**
* Họ và tên: Trần Thị Yến Phương
* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
* Thời gian, địađiểm làm việc:Bộ môn Tài nguyên và Thông tin Địa lý Ứng dụng
* Địa chỉ liên hệ:Bộ môn Tài nguyên và Thông tin Địa lý Ứng dụng
* Điện thoại, email: ttyenphuong@hcmuaf.edu.vn
* Các hướng nghiên cứu chính:Môi trường & phát triển bền vững; biến đổi khí hậu; quản lý tài nguyên đất; quản lý năng lượng, quản lý khí nhà kính
* Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):Ngô Thị Minh Thê

Chương trình đào tạo

* + 1. **Mô tả học phần:**

*- Môn học giới thiệu các kiến thức về sinh thái môi trường đất, các tác nhân gây suy thoái đất, và các biện pháp để bảo vệ đất giảm thiểu các tác động của các quá trình suy thoái.*

* + 1. **Mục tiêu và chuẩn đầu ra**
* Kiến thức
  + Hiểu được quá trình tạo thành đất và các yếu tố hình thành đất.
  + Hiểu được các tính chất lý, hóa, sinh của đất.
  + Biết được định nghĩa, nguyên nhân của các dạng suy thoái đất.
  + Nắm được các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống suy thoái đất.
* Kỹ năng
  + Tăng cường kỹ năng làm việc nhóm.
  + Có kỹ năng tư duy, phân tích vấn đề.
* Thái độ, chuyên cần
* Yêu thích môn học, ngành học mà sinh viên đang theo học

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: *(Bảng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT, trích từ mẫu 5.4).*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 212340 | STvBVD | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| H | H | S | S | S | S | S | S | H | H | N | S | H | H | H | H |

Ghi chú:

*N : Không đóng góp/không liên quan*

*S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều*

*H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều*

* Chuẩn đầu ra của học phần (*theo thang đo năng đo năng lực của Bloom*):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Chuẩnđầu ra của học phầnHoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| CLO1 | Hiểu được quá trình hình thành đất | PLO1 |
| CLO2 | Hiểu được vai trò và tính chất của đất | PLO1 |
| CLO3 | Vận dụng các kiến thức để phòng chống các quá trình suy thoái đất | PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO10 |
| **Kĩ năng** | | |
| CLO4 | Hiểu các từ chuyên ngành tiếng Anh, truy xuất tài liệu tiếng Anh | PLO8 |
| CLO5 | Phát triển khả năng tư duy, phân tích, suy luận và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các nội dung thực tiễn có liên quan | PLO3, PLO5, PLO9, PLO10, PLO12 |
| CLO6 | Kỹ năng giao tiếp, trình bày, thảo luận và phân tích, đánh giá ý kiến của người khác | PLO7, PLO15, PLO16 |
| CLO7 | Tăng cường kỹ năng làm việc nhóm | PLO7 |
| **Thái độ và phẩm chất đạo đức** | | |
| CLO8 | Tích cực tham gia trên lớp và chủ động tự học hỏi nâng cao trình độ | PLO13, PLO14 |

**IV. Phương pháp giảng dạy và học tập**

1. Phương pháp giảng dạy:

* Thuyết giảng kết hợp trình chiếu video;
* Thảo luận trong lớp;
* Đặt câu hỏi để sinh viên tham gia vào buổi học;
* Cung cấp các ví dự thực tế liên quan đến nội dung giảng dạy;
* Cung cấp các hình ảnh, video khi giảng dạy.

1. Phương pháp học tập

* Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan;
* Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm;
* Giới thiệu và cung cấp thêm các tài liệu đọc thêm.

**V. Nhiệm vụ của sinh viên**

* Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số lượng tiết giảng;
* Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước các nội dung và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan;
* Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi và cầu thị.

**VI. Đánh giá và cho điểm**

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

**Bảng 1. Matrix đánh giá CĐR của học phần (***tỷ lệ điểmtheo quy chế học vụ của trường ĐHNL TP.HCM***)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các CĐR của học phần** | **Chuyên cần** | **Bài thực hành** | **Thi cuối kỳ**  **(60%)** |
| **(10%)** | **(30%)** |
| CLO1 |  | x | x |
| CLO2 |  | x | x |
| CLO3 |  |  | x |
| CLO4 |  | x | x |
| CLO5 |  | x | x |
| CLO6 |  | x |  |
| CLO7 |  | x |  |
| CLO8 | x |  |  |

***Lưu ý:*** *Các hình thức tính điểm quá trình (chuyên cần, thuyết trình, thi giữa kỳ...) là ví dụ minh họa. GV chủ động áp dụng phương pháp đánh giá điểm quá trình và đảm bảo theo đúng quy định tại quy chế học vụ.*

**Bảng 2. Rubric đánh giá học phần**

1. **Tham dự lớp học (chuyên cần):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | **Tỉ lệ (%)** | **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
| *Từ 9-10* | *Từ 5-8* | *0-4* |
| Hiện diện trên lớp | 50 | Tham gia 100 % buổi học | Tham gia >70% buổi học | Tham gia =<70% buổi học |
| Tích cực | 50 | Tham gia nhiệt tình khi trao đổi trên lớp, phát  biểu và trả lời nhiều câu  hỏi | Không đặt/trả lời câu hỏi | Không trả lời ngay cả khi được chỉ định |

1. **Bài thực hành**

*Trong quá trình học mỗi nhóm sẽ tự chon vị trí lấy mẫu để quan sát đặc điểm tính chất của đất.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | **Tỉ lệ** | **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
|  |  | Từ 9-10 | 5-8 | *Dưới 5* |
| Thực hiện bài thực hành | 100% | Đúng hạn, đúng định dạng, chất lượng tốt,  trình bày rõ ràng, hợp lý và dễ hiểu. | Đúng hạn, đúng định dạng, chất lượng khá  hoặc trình bày chưa rõ ràng, hợp lý và dễ hiểu. | Không đúng hạn, đúng định dạng, chất lượng kém (sai) và trình bày chưa rõ ràng, chưa hợp lý; hoặc sao chép |

1. **Thi cuối kỳ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dạng câu hỏi** | **Rất tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không chấp nhận** |
| *Từ 8-10* | *Từ 5-7* | *Dưới 4* |
| Các câu hỏi tự luận | Trả lời/ giải thích câu hỏi với các kiến thức và sự hiểu biết vượt trội; thể hiện khả  năng tổng hợp, phân tích và áp dụng sáng tạo | Trả lời/giải thích câu hỏi với các kiến thức chung/ ít chi tiết; thể  hiện sự hạn chế về kết hợp, phân tích vấn đề;  không có/ ít thể hiện sáng tạo | Không trả lời/giải thích được câu hỏi; không kết hợp, phân tích vấn đề; không thể hiện sáng tạo |

***Lưu ý****: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng (tham khảo bảng Rubric đánh giá học phần mẫu 5.8)*

**VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

* + *Sách giáo trình/Bài giảng: Lê Văn Khoa, Nguyễn Xuân Cự, Trần Khắc Hiệp, Trần Cẩm Vân, Đất và Môi Trường, Nhà xuất bản Giáo Dục, 2003*
  + *Tài liệu tham khảo khác: Stocking, Michael and Murnalghan, Niamh, Handbook for the field assessment of land degradation, Earthscan, 2001.*

**VIII. Nội dung chi tiết của học phần :**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/ Chương** | **Nội dung** | **CĐR chi tiết (LLOs)** | **Hoạt động dạy và học** | **Hoạt động đánh giá** | **CĐR học phần (CLOs)** |
| 1 | Chương 1. Sự hình thành môi trường đất   1. Vật liệu tạo thành trái đất 2. Quá trình phong hóa đá 3. Quá trình hình thành đất 4. Sự phát triển của quá trình hình thành đất 5. Các chức năng của đất |  | Thuyết giảng  Thảo luận | Chuyên cần  Thi cuối kỳ | CLO1,CLO2 |
| 2 | Chương 2. Các tính chất của đất   1. Phẫu diện đất 2. Thành phần của đất 3. Thành phần cơ giới đất 4. Cấu trúc đất 5. Màu sắc đất 6. Độ dày của đất |  | Thuyết giảng  Thảo luận | Chuyên cần  Bài thực hành  Thi cuối kỳ | CLO2, CLO4, CLO7 |
| 3 | Chương 3. Xói mòn đất   1. Khái niệm xói mòn đất 2. Các kiểu xói mòn đất 3. Các yếu tố ảnh hưởng tới lượng đất bị xói mòn 4. Các biện pháp phòng chống xói mòn |  | Thuyết giảng  Thảo luận | Chuyên cần  Thi cuối kỳ | CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO8 |
| 4 | Chương 4. Đất chặt, đất phèn, quá trình mặn hóa môi trường đất   1. Đất chặt    1. Độ chặt của đất    2. Nguyên nhân    3. Các biện pháp quản lý và cải tạo đất chặt 2. Đất phèn    1. Nguyên nhân    2. Phân loại    3. Các biện pháp quản lý và cải tạo 3. Quá trình mặn hóa    1. Khái niệm đất mặn    2. Quá trình mặn hóa, nguồn gốc và đặc điểm    3. Cải tạo đất mặn |  | Thuyết giảng  Thảo luận | Chuyên cần  Thi cuối kỳ | CLO3, CLO5, CLO8 |

**IX. Hình thức tổ chức dạy học :**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết) | | | | | Tổng |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | TH/TT | Tự học |
| Chương 1. Sự hình thành môi trường đất | 2 |  | 1 |  | 4 | 3 |
| Chương 2. Các tính chất của đất | 2 |  | 1 | 30 | 4 | 33 |
| Chương 3. Xói mòn đất | 3 |  | 1 |  | 6 | 4 |
| Chương 4. Đất chặt, đất phèn, quá trình mặn hóa môi trường đất | 4 |  | 1 |  | 8 | 5 |
| TỔNG | 11 |  | 4 | 30 |  | 45 |

**X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

* Phòng học, thực hành:
* Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa, phấn, bảng.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

**TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

*(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)*

ThS. Trần Thị Yến Phương